

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HSST
Ngày 27 tháng 9 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Đức Thuận

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Lê Quốc Tân;

+ Bà Trần Thị Hoa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Kiều – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2022/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/HSST-QĐ ngày 13 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thế P - sinh năm 1987, tại Nghệ An; Tên gọi khác: (không); Nơi đăng ký NKTT: thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở: xã Diên Thạnh, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn 12/12; Con ông Nguyễn Thế A (sinh năm 195x) và bà Hoàng Thị N (sinh năm 195x); Vợ: Lê Thị Ngọc H; Con: có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Phạm Thị Mỹ H – sinh năm 1981

Địa chỉ: xã Diên Phước, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Huỳnh Mai H – sinh năm 1980

Địa chỉ: xã Diên Phước, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Ngô Thị Q (vắng mặt), Lê Thị Ngọc H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thế P công tác tại Công an huyện D từ tháng 02/2006 đến tháng 6/2021 thì xuất ngũ. Phương được Công an tỉnh K cấp Giấy chứng minh Công an nhân dân số 377-7xx ngày 07/6/2018 để thực hiện nhiệm vụ. Khoảng tháng 12/2018, P đem Giấy chứng minh Công an nhân dân nói trên đến 01 tiệm Photocopy tại thành phố N (không xác định được địa chỉ cụ thể) để photo màu 01 bản nhằm sử dụng thay bản chính.

Năm 2014, P quen biết bà Phạm Thị Mỹ H và thường xuyên vay tiền của bà H để làm ăn. Ngày 24/7/2019 trong khi P đang còn nợ bà H số tiền 150.000.000 đồng vay trước đó nhưng chưa trả, P tiếp tục hỏi vay thêm 100.000.000 đồng. Bà H yêu cầu P phải đưa giấy tờ, tài sản để làm tin mới đồng ý cho vay. P sử dụng Giấy chứng minh Công an nhân dân số 377-7xx mang tên Nguyễn Thế P, sinh ngày 17/12/1987 đã photocopy màu trước đó thế chấp để bà H tin tưởng cho vay 100.000.000 đồng, P viết giấy vay tiền hẹn đến ngày 24/9/2019 sẽ trả và gia hạn đến ngày 14/11/2019 nhưng không trả.

Sau đó, từ ngày 05/8/2019 đến ngày 10/4/2020, P còn tiếp tục vay của bà H số tiền 350.000.000 đồng. Trong đó ngày 24/9/2019, P thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị Q và ông Lê Văn H (ba mẹ vợ của P) để vay 160.000.000 đồng. Các lần vay có sự thỏa thuận của hai bên và có viết giấy mượn tiền, hai bên ký xác nhận.

Sau khi vay, P không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, bà H nhiều lần gọi điện nhưng P lẩn tránh. Ngày 03/6/2021, nghi ngờ P dùng Giấy chứng minh Công an nhân dân giả thế chấp để vay tiền nên bà H làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện D.

Tại bản kết luận giám định số 291/GĐ-GT/2021 ngày 30/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh K kết luận: “GIẤY CHỨNG MINH CÔNG AN NHÂN DÂN” có các thông tin “Số: 377-7xx, Họ tên: NGUYỄN THẾ P, Ngày sinh: 17/12/1987,... Đơn vị: CAH. D – K” đề ngày 07 tháng 6 năm 2018 (Tài liệu cần giám định – Ký hiệu A): là giả.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện D, Nguyễn Thế P đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 37/CT-VKSDK ngày 08/9/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hoà đã truy tố: bị cáo Nguyễn Thế P về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 341 và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh vẫn giữ nguyên về điều luật và tội danh của bị cáo Nguyễn Thế P như bản cáo trạng đã nêu:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” đối với Nguyễn Thế P, xử phạt bị cáo Nguyễn Thế P từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù giam. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự về

tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” đối với Nguyễn Thế P, xử phạt bị cáo Nguyễn Thế P từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù giam. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội đối với bị cáo Nguyễn Thế P từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm 06 tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thế P tiếp tục bồi thường cho bị hại Phạm Thị Mỹ H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Mai H số tiền 95.000.000 đồng.

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Người làm chứng bà Ngô Thị Q vắng mặt, tại hồ sơ đã có lời khai, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử và nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thế P đã khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Như vậy, bị cáo Nguyễn Thế P đã có hành vi “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Chỉ vì muốn thay thế Giấy chứng minh Công an nhân dân của mình để sử dụng, bị cáo P đã nghĩ ra cách làm giả Giấy chứng minh Công an nhân dân bằng hình thức mang đi photocopy màu. Sau khi có Giấy chứng minh Công an giả, vì muốn vay thêm tiền của bị hại Phạm Thị Mỹ H, bị cáo P đã đưa Giấy chứng minh Công an giả cho bà H để làm tin, để được bà H cho vay 100.000.000 đồng nhằm chiếm đoạt tiền của bà H. Hành vi này của bị cáo Nguyễn Thế P đã phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Trước đó, bị cáo P đã vay mượn tiền nhiều lần của bị hại Phạm Thị Mỹ H để làm ăn nhưng mất khả năng chi trả. Sau đó vì cần tiền để tiếp tục làm ăn, bị cáo đến gặp bà H để vay tiền nhưng không được bà H đồng ý, bà H kêu bị cáo P phải có giấy tờ thế chấp mới được tiếp tục vay tiền nên bị cáo đã nảy sinh ý định dùng Giấy chứng minh Công an nhân dân giả số 377-7xx đứng tên bị cáo để thế chấp cho bà H để vay tiền. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để bà H tin tưởng cho bị cáo vay tiếp 100.000.000 đồng. Bà H nhiều lần liên hệ bị cáo P nhưng bị cáo P né tránh do mất

khả năng trả nợ. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của cơ quan Nhà nước về con dấu, tài liệu. Bị cáo đã từng công tác trong ngành Công an, bị cáo biết việc làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức là sai nhưng vẫn thực hiện. Bị cáo sử dụng Giấy tờ giả đó để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt 100.000.000 đồng của bà Phạm Thị Mỹ H. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự ngang nhiên, xem thường pháp luật, xem thường kỷ cương của ngành Công an. Do vậy, phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về lỗi lầm của mình, bị cáo đã từng phục vụ trong ngành Công an từ tháng 02/2006 đến tháng 6/2021 thì xuất ngũ. Tại phiên tòa bị cáo P vận động gia đình khắc phục được 5.000.000 đồng cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, được bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy cần được xem xét các tình tiết này để giảm nhẹ về mặt hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Đối với việc tiếp tục vay bà H số tiền 350.000.000 đồng từ ngày 05/8/2019 đến ngày 10/4/2020 sau khi bị cáo thể chấp Giấy chứng minh Công an nhân dân giả, các bên có viết giấy vay nợ. Bà H cho rằng trong số tiền 350.000.000 đồng bị cáo P tiếp tục vay sau khi thế chấp giấy tờ giả vay 100.000.000 đồng, bị cáo còn lừa dối bà vay tiếp 190.000.000 đồng vì tin Giấy chứng minh Công an nhân dân bị cáo P đưa là thật. Tuy nhiên, việc vay mượn các lần sau đều có giấy nhận nợ. Trong đó, bị cáo P có thể chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị Q và ông Lê Văn H (là bố mẹ vợ của bị cáo P) để được bà H cho vay tiền. Bà H không có căn cứ chứng minh việc bị cáo vay mượn thêm 190.000.000 đồng là do hành vi thế chấp Chứng minh Công an nhân dân giả. Do đó, các lần giao dịch sau là giao dịch dân sự nên không xem xét trong vụ án này.

[6] Đối với yêu cầu của bị hại Phạm Thị Mỹ H, thừa nhận bị cáo P trực tiếp dùng Giấy chứng minh Công an nhân dân giả lừa bà vay số tiền 100.000.000 đồng. Tại phiên Tòa, bà H và chồng bà là ông Huỳnh Mai H đã nhận khắc phục hậu quả từ gia đình bị cáo số tiền 5.000.000 đồng, yêu cầu bị cáo tiếp tục trả cho ông, bà tổng cộng số tiền lừa bà còn lại là 95.000.000 đồng. Trong vụ án này, bị cáo có hành vi lừa đảo khi thế chấp Giấy chứng minh Công an nhân dân giả để vay 100.000.000 đồng của bà H nên chỉ xem xét việc bồi thường của bị cáo đối với số tiền 100.000.000 đồng. Các lần vay còn lại số tiền 500.000.000 đồng là giao dịch dân sự nên bà H và ông H xác định sẽ khởi kiện thành vụ án dân sự khác nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[7] Đối với việc bị cáo photocopy màu Giấy chứng minh nhân dân Công an số hiệu 377-732 tại một tiệm photocopy ở thành phố N, bị cáo không nhớ, không xác định được địa điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; áp dụng tình tiết giảm nhẹ là điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Nguyễn Thế P về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thế P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thế P. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[9] Về vật chứng vụ án: Là 01 “GIẤY CHỨNG MINH CÔNG AN NHÂN DÂN” có các thông tin “Số: 377-7xx, Họ tên: NGUYỄN THẾ P, Ngày sinh: 17/12/1987,... Đơn vị: CAH. Diên Khánh – Khánh Hòa” đề ngày 07 tháng 6 năm 2018 giả, đã thu thập, lưu trữ trong hồ sơ vụ án. Cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã vận động gia đình khắc phục cho bị hại được 5.000.000 đồng. Bị hại Phạm Thị Mỹ H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Mai H yêu cầu bị cáo Nguyễn Thế P tiếp tục hoàn trả số tiền 95.000.000 đồng cho ông bà. Bị cáo đồng ý bồi thường nên cần buộc bị cáo phải trả số tiền 95.000.000 đồng cho bà Phạm Thị Mỹ H và ông Huỳnh Mai H.

[11] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thế P phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; điểm c khoản 2 Điều 174 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với Nguyễn Thế P:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thế P 02 (hai) năm tù** về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thế P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Thế P phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là **04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thế P phải tiếp tục trả cho bị hại Phạm Thị Mỹ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Mai H số tiền 95.000.000 đồng (*chín mươi lăm triệu đồng*).

Quy định:

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Về vật chứng vụ án: Là 01 “GIẤY CHỨNG MINH CÔNG AN NHÂN DÂN” có các thông tin “Số: 377-7xx, Họ tên: NGUYỄN THẾ P, Ngày sinh: 17/12/1987,... Đơn vị: CAH. D – K” đề ngày 07 tháng 6 năm 2018 giả, đã thu thập, lưu trữ trong hồ sơ vụ án. Cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Nguyễn Thế P phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 4.750.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Toà án tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện D;
- Cơ quan THAHS Công an huyện D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu THA hình sự, hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Võ Đức Thuận